

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

BÀI 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

- Giúp học sinh làm quen với lịch sử với tư cách là một môn khoa học thực sự, rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống con người. Là một khoa học, sử học có đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu riêng và có chức năng nhiệm vụ quan trọng trong đời sống con người.

- Học sinh khắc phục những sai lầm, nhất là tư duy một chiều về lịch sử, chỉ coi lịch sử là môn học thuộc lòng những kiến thức có sẵn, không cần khám phá gì thêm và cũng không vận dụng gì trong cuộc sống của các em. Qua đó bài này giúp học sinh phát triển toàn diện cả ba nhóm năng lực cơ bản của môn học, bao gồm năng lực tìm hiểu, năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trên cơ sở những kiến thức cơ bản, gần gũi, hữu ích.

Như thế, bài này cũng giúp học sinh phát triển những phẩm chất cốt lõi như: trung thực, khách quan, trách nhiệm, chăm chỉ và sáng tạo trong cuộc sống

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua các ví dụ cụ thể.

- Giải thích được khái niệm lịch sử.

- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể.

- Nêu được chức năng, nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học.

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể.

- Phân biệt được các nguồn sử liệu; biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/ bài tập nhận thức mới.

- Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Dựa vào nội dung Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo các định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.

- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*

- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của học sinh giúp học sinh nhận thức được sự kiên lịch sử tạo hứng thú cho học sinh học bài mới

b. Nội dung: Học sinh dựa vào sự hướng dẫn của giáo viên để trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Nhìn vào hình ảnh trong sách hãy cho biết đây cây cầu này gắn liền với những sự kiện lịch sử nào?

d. Tổ chức thực hiện: GV cho HS nhìn vào SGK và đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh trả lời: cây cầu này đã gắn liền với những sự kiện nào?

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Vậy theo em Lịch sử là gì? Hiện thực và nhận thức lịch sử là gì? Liên quan tới những yếu tố nào? Để trả lời câu hỏi này thì hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu bài đầu tiên của môn lịch sử lớp 10 của chương trình phổ thông mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm” lịch sử là gì?”

a. Mục tiêu: Học sinh trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực và nhận thức của lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: Khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức theo cặp đôi và trả lời câu hỏi sau: ? Lịch sử là gì? ? Hiện thực lịch sử là gì? ? nhận thức lịch sử là gì? Phân tích so sánh 2 hình ảnh trong SGK ở tư liệu 2 và 3 Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận với nhau và trả lời các câu hỏi GV đưa ra Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - GV sẽ chỉ định một số HS ở một số nhóm báo cáo những gì đã thảo luận Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý GV có thể nhấn mạnh và so sánh sự giống và khác nhau giữa hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	1. Lịch sử là gì - Lịch sử là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người là toàn bộ những hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến ngày nay - Hiện thực lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ, tồn tại hoàn toàn khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người - Nhận thức lịch sử là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử được trình bày ở nhiều cách khác nhau

Hoạt động 2: Tìm hiểu về sử học

a. Mục tiêu: HS giải thích được khái niệm Sử học; trình bày được đối tượng nghiên cứu, chức năng nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập đơn cụ thể

- HS phân biệt được các nguồn sử liệu, biết các sưu tầm, thu thập và xử lý thông tin sử liệu để học tập khám phá lịch sử.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Sử học

d. tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS theo nhóm và trả lời câu hỏi Nhóm 1: Khái niệm và đối tượng của Sử học Nhóm 2: Chức năng của Sử học Nhóm 3: Nhiệm vụ của Sử học Nhóm 4: Nguyên tắc của Sử học Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và làm theo yêu cầu GV đưa ra Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - đại diện từng nhóm trình bày trước lớp về phần gv giao Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Sử học a. Khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ - Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của loài người - Đối tượng: là con người, có thể của cá nhân, tổ chức, khu vực.... - Chức năng: khoa học nhận thức - nhiệm vụ: nhận thức, giáo dục và dự báo b. Nguyên tắc cơ bản của Sử học - Trung thực - Khách quan - Nhân văn và tiến bộ

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây

b. Nội dung GV giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua một số câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

câu 1: Hiện thực lịch sử là gì?

A. Là những gì diễn ra trong quá khứ

B. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ của loài người

C. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ mà con người nhận thức được

D. Là khao học tìm hiểu về quá khứ

Câu 2: nhận thức lịch sử là gì?

- A. Là những mô tả của con người về quá khứ
- B. Là những công trình nghiên cứu lịch sử
- C. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau

D. Là những lễ hội lịch sử văn hoá được phục dựng

Câu 3: Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu lịch sử?

- A. Tiến bộ
- B. Vì người lao động
- C. Trung thực
- D. Khách quan

Câu 4: Ý nào sau đây KHÔNG phải đối tượng nghiên cứu của Sử học

- A. Quá khứ của toàn thể nhân loại
- B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực thế giới
- C. Qua khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người
- D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ

Câu 5: So với hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?

- A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử
- B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử
- C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử
- D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử

* sản phẩm dự kiến: 1-A, 2-C, 3-B, 4-D, 5-B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

c. sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện: GV giao cho HS: Tìm kiếm thông tin tái hiện và khôi phục lại sự kiện cách mạng tháng 8 bằng đoạn văn ngắn 7-10 dòng

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2: TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

I. MỤC TIÊU

- Tiếp theo bài 1, mục tiêu ở bài 2 là giúp HS hiểu được tại sao việc học tập và tìm hiểu lịch sử lại hữu ích và rất cần thiết, đồng thời giúp các em có thể tự mình học tập và khám phá một cách dễ dàng, sáng tạo.

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua các ví dụ

- Giải thích được sự cần thiết học tập lịch sử suốt đời.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống bài tập nhận thức mới.
- Biết vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong cuộc sống
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức trân trọng lịch sử- văn hoá dân tộc và thế giới; chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: dựa vào nội dung Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo các định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của học sinh giúp học sinh nhận thức được sự kiện lịch sử tạo hứng thú cho học sinh học bài mới
- Nội dung: giáo viên đặt câu hỏi về bài 1 để gợi lên sự logic giữa bài 1 và bài 2 để học sinh hiểu rõ sự liên kết giữa bài trước và bài này
- Sản phẩm: giáo viên đặt câu hỏi gợi mở
- Tổ chức thực hiện: GV cho HS nhìn vào SGK và đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh trả lời: câu này đã gắn liền với những sự kiện nào?

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Lịch sử là những gì đã qua, vậy tại sao chúng ta phải nghiên cứu, tìm hiểu, phục dựng lịch sử? chia sẻ hiểu biết của em về ý nghĩa và vai trò của tri thức lịch sử đối với cuộc sống hiện tại của mỗi cá nhân và xã hội. Để hiểu rõ hơn thì hôm nay chúng ta qua bài mới của chủ đề 1.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử

- Mục tiêu: nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua các ví dụ cụ thể
 - Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.
- Nội dung: Học sinh từng cá nhân tự nghiên cứu sách giáo khoa để trả lời câu hỏi
- sản phẩm: Vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho các cặp đôi thảo luận nội dung và tìm ra mối quan hệ giữa Quá khứ- Hiện tại- Tương lai bằng sơ đồ và nêu câu hỏi ? Như vậy, lịch sử để lại những giá trị gì cho cuộc sống hiện tại? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS cùng nhau thảo luận theo cặp Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - GV sẽ mời một số bạn đứng lên bảng trình bày về sơ đồ và sau đó trả lời câu hỏi GV đưa ra Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, bổ sung, phân tích và chốt lại những điểm chính của câu hỏi GV giới thiệu qua những hình ảnh có ở trong sách cho học sinh có thể hiểu rõ về vai trò của việc lưu giữ và trao truyền, tìm hiểu lịch sử	1. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử - Biết được về nguồn gốc của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc và toàn thể nhân loại. -truyền lại tri thức, kinh nghiệm. truyền thống văn hoá của thế hệ trước cho thế hệ sau, tạo nên mối liên kết từ quá khứ- hiện tại- tương lai, trở thành cốt lõi tạo nên ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và bản sắc văn hoá cộng đồng dân tộc.

Hoạt động 2: Lý giải vì sao cần học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời

a. Mục tiêu: HS giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.

b. Nội dung: học sinh dưới sự hướng dẫn của GV trả lời câu hỏi

? vì sao đặt ra yêu cầu về việc học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời?

? Học tập lịch sử suốt đời bằng cách nào

c. sản phẩm: Biết về việc học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời, những cách học lịch sử

d. tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và làm theo yêu cầu GV đưa ra Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -GV sẽ chỉ định một số học sinh trả lời câu hỏi Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -GV phân tích, nhận xét và trình bày chốt ý	2. Học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời Việc học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời: - từ việc học tập chúng ta có thể vận dụng những kinh nghiệm từ quá khứ và vào cuộc sống hiện tại cũng như định hướng cho tương lai. - lịch sử có nhiều bí ẩn chính vì thế đây là cơ hội cho chúng ta tham gia tìm tòi, khám phá nhằm hoàn chỉnh hơn nhận thức chung, làm giàu tri thức lịch sử.

	- hiểu biết được kinh nghiệm, rút ra bài học có giá trị lịch sử các nước khác để tránh những sai lầm - Tìm hiểu lịch sử cũng đưa lại chúng ta những cơ hội nghề nghiệp mới đầy thú vị.
--	---

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây

b. Nội dung GV giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua câu hỏi: tri thức lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống? hãy lấy ví dụ

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

HS ngồi viết ra giấy và sau đó trình bày cho GV nghe và GV nhận xét chốt lại

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

c. sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện: GV giao cho HS: Hãy tìm hiểu về ngôi trường em đang học tập bằng các câu hỏi sau:

- Trường em thành lập từ khi nào?
- có những truyền thống tốt đẹp gì?
- em hãy chỉ sẽ suy nghĩ và cảm xúc khi biết về thông tin đó.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

BÀI 3: SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.
- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử.
- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/ bài tập nhận thức mới.

- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.

- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*

- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học

b. Nội dung: Học sinh dựa vào sự hướng dẫn của giáo viên để trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Học sinh đọc phần dẫn mở đầu và trả lời câu hỏi do GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện: GV hỏi: Để vinh danh di tích- danh thắng Tràng An (Ninh Bình) là Di sản thế giới, hồ sơ liên quan đến di sản trình UNESCO gồm có những nội dung nào? Qua đó chứng tỏ điều gì?

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: các lĩnh vực, các ngành khoa học có mối tương tác, có vai trò như thế nào trong nghiên cứu lịch sử? Sử học đã đóng góp gì trong sự phát triển các ngành các lĩnh vực khác? Thì hôm nay chúng ta qua chủ đề thứ 2 với bài 3 với tiêu đề sử học với các lĩnh vực khoa học

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu và lý giải tại sao Sử học được coi là môn khoa học có tính liên ngành

a. Mục tiêu: Học sinh biết giải thích vì sao Sử học được coi là một môn khoa học có tính liên ngành thông qua khai thác các tư liệu lịch sử, ví dụ cụ thể

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: học sinh giải thích tính liên ngành của học sử học qua câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia nhóm: Nhóm 1: tìm hiểu sử học có những phương pháp nào trong việc nghiên cứu lịch sử Nhóm 2: tìm hiểu về phương pháp các nhà sử học đã sử dụng trong tư liệu 1 Nhóm 3: tìm hiểu về phương pháp các nhà sử học đã sử dụng trong tư liệu 2 Nhóm 2: tìm hiểu về phương pháp các nhà sử học đã sử dụng trong tư liệu 3 GV hỏi: hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa 3 tư liệu trên GV hỏi: qua việc tìm hiểu tư liệu thì các em hãy cho biết vì sao nghiên cứu lịch sử phải kết hợp kiến thức và phương pháp liên ngành? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo từng nhóm để đưa ra câu trả lời Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - Đại diện từng nhóm trình bày - GV chỉ định một số HS trả lời câu hỏi chốt ý Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV phân tích cho học sinh từng tư liệu và giải thích các câu hỏi -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Sử học- môn khoa học có tính liên ngành - Sử học là ngành khoa học nghiên cứu về tất cả các lĩnh vực đời sống của con người trong quá khứ như: chính trị, kinh tế, xã hội..... - Trong nghiên cứu phải có sự phối hợp sử dụng thông tin và phương pháp của các ngành khoa học khác nhau để tìm hiểu một cách toàn diện, sâu sắc, hiệu quả và khoa học về từng lĩnh vực trong quá khứ để hiểu đúng và đầy đủ hơn về lịch sử

Hoạt động 2: Tìm hiểu về mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội nhân văn

a. Mục tiêu: HS biết phân tích mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- HS biết sử dụng, khai thác tư liệu để tìm hiểu, rút ra mối liên hệ.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: phải biết được mối quan hệ giữa sử học với các ngành khoa học xã hội nhân văn và ngược lại

d. tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS theo nhóm và thảo luận theo cặp đôi Nhóm 1: tìm hiểu về tư liệu 4 và trả lời câu hỏi” tự liệu trên đề cập đến sự kiện lịch sử nào? Hãy chỉ ra một số sự kiện hoặc bối cảnh lịch sử được đề cập trong các hồi của tác phẩm? thông qua đó hãy cho biết mối quan hệ giữa sử học với các ngành khoa học nhân văn” Nhóm 2: tìm hiểu giữa các ngành khoa học, xã hội và nhân văn với Sử học có mối liên hệ như thế nào? Hãy lấy ví dụ để chứng minh Nhóm 3,4 sẽ làm mục 3 Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và làm theo yêu cầu GV đưa ra Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - đại diện từng nhóm trình bày trước lớp về phần gv giao Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội, nhân văn a. Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn - Lịch sử đời sống xã hội là chất liệu và là nguồn cảm hứng đưa đến sự ra đời của các tác phẩm văn học, nghệ thuật... đồng thời cũng là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học, xã hội và nhân văn b. Mối liên hệ giữa các ngành khoa học xã hội và nhân văn với Sử học - Sử học sử dụng tri thức, thành tựu, phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành như: Triết, Văn học, Địa lý.... Để miêu tả, khôi phục đối tượng nghiên cứu
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

a. Mục tiêu: Thông qua khai thác các ví dụ cụ thể HS nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử

-HS giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: phải biết được vai trò giữa sử học với các ngành khoa học tự nhiên- công nghệ và ngược lại

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS theo nhóm và thảo luận theo cặp đôi Nhóm 3: tìm hiểu về hình 4 và trả lời câu hỏi” Các tác phẩm như trong hình có được coi là tác phẩm lịch sử không? Vì sao? thông qua đó hãy cho biết vai trò giữa sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ”. Nhóm 4: tìm hiểu vai trò của ngành khoa học tự nhiên và công nghệ đối với Sử học như thế nào? Hãy lấy ví dụ để chứng minh. Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và làm theo yêu cầu GV đưa ra	3. Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ a. Vai trò của Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ - Khoa học tự nhiên và công nghệ là đối tượng nghiên cứu của sử học. - Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của chính các

Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - đại diện từng nhóm trình bày trước lớp về phần gv giao Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	ngành KHTN-CN chính là để kế thừa, rút kinh nghiệm. b. Vai trò của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ với Sử học - Nhà sử học cần phải sử dụng nhiều thông tin và phương pháp các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ để tái hiện đời sống con người trong quá khứ.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây
 - Nội dung GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi
 - Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
 - Tổ chức thực hiện
- câu hỏi 1: Sử học đã có vai trò gì đối với các ngành khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội
- câu hỏi 2: thông qua các ví dụ đã học em hãy phân tích mối liên hệ giữa sử học với một lĩnh vực mà em thích

4. Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.
- Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- Tổ chức thực hiện: GV giao cho HS hãy xây dựng một bài giới thiệu về trường học/ gia đình em... trong những năm gần đây (lưu ý: trong bài viết thể hiện việc vận dụng những thông tin, kiến thức, kỹ năng, phương pháp liên ngành).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 4: SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.
- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá.
- trình bày tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hoá của dân tộc; tri thức lịch sử và văn hoá nhân loại.

- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể.
- Phấp tích được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử và văn hoá.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích... sự kiện, vấn đề lịch sử.
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.
- Biết cách vận động mọi người xung quanh bảo vệ các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên địa phương.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử-văn hoá, chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học
- Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh như: Chùa một cột, Kinh thành Huế,... Và đặt câu hỏi: Em hãy cho biết tên của các di sản trên? Những hình ảnh đó liên quan đến lịch sử không? Lịch sử có vai trò như thế nào trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản và phát triển của các ngành nghề hiện đại?
- Sản phẩm: Học sinh đọc phần dẫn mở đầu và trả lời câu hỏi do GV đưa ra
- Tổ chức thực hiện: GV hỏi: Em hãy cho biết tên của các di sản trên? Những hình ảnh đó liên quan đến lịch sử không? Lịch sử có vai trò như thế nào trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản và phát triển của các ngành nghề hiện đại?

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: các hình ảnh trên đều liên quan đến lịch sử và chính nó là những chứng tích cho một quá khứ đầy nhiều biến động của dòng chảy của lịch sử Việt Nam, không chỉ vậy nó còn đưa đến giá trị rất lớn đối với các ngành và lĩnh vực hiện đại ví dụ như Du lịch và để hiểu rõ hơn về vai trò của sử học đối với các lĩnh vực và ngành nghề hiện tại thầy và trò chúng ta qua một bài 4.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu mối quan hệ giữa Sử học với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

a. Mục tiêu: Học sinh biết phân tích được Sử học với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: học sinh giải thích tính liên ngành của học sử học qua câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi ? hãy nhìn các hình 1,2,3 và cho biết nếu quá trình bảo tồn và phát huy giá trị của chúng không được quan tâm đến thì sẽ ra sao? ? Hãy phân tích vai trò của Sử học với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, thiên nhiên? ? phân tích vai trò của công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hoá, di sản thiên nhiên? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo từng cặp đôi/ từng nhóm nhỏ để trả lời Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - GV chỉ định một số HS trả lời câu hỏi Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV phân tích cho học sinh từng tư liệu và giải thích các câu hỏi -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên a. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản - Sử học là cơ sở quan trọng nhất trong công tác xác định giá trị cũng như phát huy giá trị di sản vì sự phát triển bền vững. - Giúp công tác bảo tồn di sản đảm bảo tính nguyên trạng của di sản. b. Vai trò công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên - Công tác bảo tồn góp phần quan trọng trong việc hạn chế cũng như khắc phục những yếu tố bên ngoài và trong góp phần kéo dài tuổi thọ di sản. - Đối với di sản văn hoá phi vật thể dễ tổn thương nhờ công tác bảo tồn mà được tái tạo, gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu và lý giải mối quan hệ giữa Sử học với sự phát triển công nghiệp văn hoá

a. Mục tiêu: HS biết phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá

-Học sinh trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với việc quảng bá cho truyền thống LS và giá trị VH của dân tộc, tri thức LS và văn hoá nhân loại

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh

- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.
- c. Sản phẩm: phải biết được mối quan hệ giữa sử học với các ngành khoa học xã hội nhân văn và ngược lại
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho học sinh nhìn ảnh và trả lời những câu hỏi 1,2,3 ở mục a và câu hỏi ở mục b Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và làm theo yêu cầu GV đưa ra Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động HS sẽ ngồi và làm các câu hỏi ở giấy sau đó GV sẽ chỉ định một số học sinh trả lời Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Sử học với sự phát triển công nghiệp văn hoá a. Vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá - CNVH phát triển dựa trên khai thác và phát huy các giá trị của di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. -vai trò cung cấp, ý tưởng và cảm hứng tạo cho một số ngành thuộc công nghiệp văn hoá như: xuất bản, điện ảnh, thời trang... - Cung cấp nguồn tài nguyên đặc sắc, đa dạng, tạo tiền đề cho ngành du lịch phát triển. b. Vai trò của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với Sử học - Góp phần củng cố, trao truyền những giá trị truyền thống và lịch sử- văn hoá tốt đẹp cho thế hệ sau. - quảng bá, lan toả rộng rãi tri thức, giá trị về lịch sử, văn hoá, hình ảnh đất nước, con người VN ở trong và ngoài nước thông qua những hình thức nghệ thuật sinh động, hấp dẫn. -Đóng góp nguồn lực vật chất cho việc đầu tư bảo tồn và phát triển các giá trị LS-VN truyền thống, cũng như bảo tồn các công trình LS-VN.

Hoạt động 3: Tìm hiểu và lý giải mối quan hệ giữa Sử học với sự phát triển du lịch

- a. Mục tiêu: HS giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể.

-HS biết phân tích tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá
 - Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. sản phẩm: phải biết được vai trò của lịch sử với ngành du lịch, và ngành du lịch có tác động gì đến việc bảo tồn di tích lịch sử văn hoá

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV GV chia ra từng nhóm nhỏ cho học sinh làm Phiếu học tập mà GV đã làm sẵn so sánh điểm giống giữa các tư liệu 2,3,4 sau đó làm việc theo cặp trả lời câu hỏi sau: ? Dựa vào phiếu học tập hãy cho biết lịch sử và văn hoá có vai trò gì với lịch sử? ? Phân tích tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS làm phiếu học tập và trả lời các câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -học sinh nộp phiếu học tập lại để đánh giá Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Sử học với sự phát triển du lịch a. Vai trò của lịch sử với sự phát triển du lịch - Các di sản lịch sử- văn hoá quá khứ để lại nguồn tài nguyên quý báu để ngành du lịch phát triển b. Vai trò du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá - Du lịch di sản phát triển khiến cho con người và chính quyền địa phương càng thêm tự hào và có nhiều ý thức hơn trong việc bảo tồn và phát triển bền vững, hiệu quả ngành du lịch - một phần doanh thu được tái đầu tư tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây

b. Nội dung GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

câu hỏi 1: Hãy kể tên một số di sản văn hoá, di sản thiên nhiên của địa phương em

câu hỏi 2: Địa phương em đã làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị các công trình, di sản văn hoá, thiên nhiên.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

- c. sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- d. Tổ chức thực hiện: GV giao cho HS hãy xây dựng kế hoạch hành động để góp phần bảo vệ một di sản ở địa phương

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KỲ CỔ ĐẠI- TRUNG ĐẠI

BÀI 5: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KỲ CỔ- TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Giải thích và phân biệt được khái niệm văn minh và văn hoá.
- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian
- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Đông.
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ- trung đại

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích... sự kiện, nội dung lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng, giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn hoá nhân loại
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học
- b. Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến các nước phương đông như: Kim tự tháp, Tử cấm thành...sau đó đặt câu hỏi cho học sinh
- c. Sản phẩm: Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi
- d. Tổ chức thực hiện:

GV hỏi: Em hãy cho biết tên của các công trình trên? Các công trình này đã nói đến nền văn minh phương Tây hay Đông Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Các hình ảnh trên đều đưa chúng ta đến những nền văn minh xa xưa ở phương Đông và chính nơi đây cũng là nguồn phát khởi cho sự ra đời và phát triển loài người ở châu Á-Phi nói chung và Việt Nam nói riêng. Để hiểu rõ hơn nữa thì hôm nay chúng ta qua Chủ đề 3 với bài mở đầu là bài 5.

2. Hình thành kiến thức mới

Mục 1. Khái niệm văn minh. Khái quát lịch sử văn minh thế giới thời kỳ cổ- trung đại

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm văn minh

- a. Mục tiêu: giải thích và phân tích được khái niệm văn hoá và văn minh.
 - Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK,
- c. sản phẩm: HS biết về khái niệm cùng với đó là phân biệt rõ văn minh và văn hoá
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi ? em hãy cho biết khái niệm về văn minh? ? em hãy cho biết khái niệm về văn hoá? ? sao sánh hai khái niệm văn minh và văn hoá? Ví dụ? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo từng cặp đôi/ từng nhóm nhỏ để trả lời Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động - GV chỉ định một số HS trả lời câu hỏi Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV phân tích cho học sinh từng tư liệu và giải thích các câu hỏi -GV nhận xét và trình bày chốt ý	I. Khái niệm văn minh, khái quát lịch sử văn minh thế giới thời kỳ,cổ- trung đại 1. Khái niệm văn minh - Văn minh là sự tiến bộ về VC-TT của xã hội loài người, là trạng thái phát triển cao của văn hoá, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kỳ dã man - Văn hoá là tổng thể những giá trị VC-TT mà con người sáng tạo nên. Văn hoá tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội.

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái quát tiến trình lịch sử các nền văn minh thế giới thời kỳ cổ- trung đại

- a. Mục tiêu: HS biết được tiến trình phát triển của các nền văn minh thế giới thời kỳ cổ-trung đại và trình bày được tiến trình đó trên trục thời gian.
 - Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh.
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận với nhau để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian và nêu nhận xét.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ ? em hãy trình bày sự phát triển của một số nền văn minh thế giới thời kỳ cổ-trung đại trên trục thời gian thông qua bảng khái quát trang 35.SGK? ? trên cơ sở trên hãy nhận xét về sự hình thành và phát triển của nền văn minh phương Đông và Phương Tây? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc và vẽ vào giấy trục thời gian và chia các mốc cho phù hợp Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động HS sẽ lên bảng vẽ trục thời gian và trình bày các mốc thời gian Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Khái quát tiến trình lịch sử các nền văn minh thế giới thời kỳ cổ-trung đại - Những nền văn minh đầu tiên được hình thành từ khoảng nửa sau TNK IV TCN ở Đông Bắc châu Phi và Tây Á. - Bốn trung tâm văn minh lớn: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Hoa đề hình thành trên các lưu vực sông lớn thời cổ đại - thời kỳ trung đại: các nền văn minh ở Nam Á, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Á vẫn phát triển, còn khi vực Đông Bắc Phi và Tây Á chịu ảnh hưởng của Ả-Rập - Dù ra đời muộn nhưng nền văn minh Hi Lạp- Rô ma sau này lại phát triển rực rỡ hơn, tiền đề văn minh phương Tây

Mục II. Một số nền văn minh phương Đông thời kỳ cổ- trung đại

Hoạt động 3: Tìm hiểu văn minh Ai Cập

- a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về nền văn minh phương Đông
 - Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi
- c. sản phẩm: HS trình bày được những cơ sở hình thành nền văn minh Ai Cập, trình bày được các thành tựu và từ đó nêu được ý nghĩa của các thành tựu đó
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? em hãy trình bày cơ sở ra đời văn minh Ai Cập? ? Nền kinh tế chủ yếu ở đây là gì? GV chia nhóm để làm các thành tựu cơ bản Nhóm 1: tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo Nhóm 2: tìm hiểu về chữ viết Nhóm 3: tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc Nhóm 4: tìm hiểu về khoa học, kỹ thuật Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời câu hỏi đưa ra -Từng nhóm cử đại diện lên trình bày các thành tựu mà GV đã giao trước Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	II. Một số nền văn minh phương Đông thời kỳ cổ- trung đại 3. Văn minh Ai Cập - Văn minh Ai Cập được hình thành trên lưu vực sông Nin ở Đông Bắc, châu Phi - Có một số tầng lớp: quý tộc, tăng lữ, nông dân, thợ thủ công và nô lệ. - Kinh tế nông nghiệp là vai trò nền tảng, bên cạnh đó TCN và TN cũng đóng vai trò khá quan trọng - Văn minh xuất hiện sớm nhất trên thế giới. - đứng đầu nhà nước là Pharaong. - những thành tựu tiêu biểu của Ai Cập như: tôn giáo, chữ viết, văn học, KHTN... đều đặt nền tảng quan trọng cho nhiều thành tựu của văn minh nhân loại
---	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu văn minh Ấn Độ thời kỳ cổ- trung đại

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kỳ cổ- trung đại

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về nền văn minh phương Đông
- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS trình bày được những cơ sở hình thành nền văn minh Ấn Độ, trình bày được các thành tựu và từ đó nêu được ý nghĩa của các thành tựu đó

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Em hãy trình bày những cơ sở ra đời văn minh Ấn Độ? ? Nền kinh tế chủ yếu ở đây là gì? GV chia nhóm để làm các thành tựu cơ bản Nhóm 1: tìm hiểu về tôn giáo Nhóm 2: tìm hiểu về chữ viết, văn học Nhóm 3: tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc Nhóm 4: tìm hiểu về khoa học, kỹ thuật Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời câu hỏi đưa ra -Từng nhóm cử đại diện lên trình bày các thành tựu mà GV đã giao trước Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	II. Một số nền văn minh phương Đông thời kỳ cổ- trung đại 4. Văn minh Ấn Độ cổ- trung đại - Văn minh Ấn Độ thời kỳ cổ- trung đại được hình thành trên lưu vực sông Ấn và sông Hằng - Kinh tế nông nghiệp là nền tảng, các hoạt động TCN và TN. - Văn minh lớn, có ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều quốc gia - những thành tựu tiêu biểu của Ai Cập như: chế độ chính trị, tôn giáo, chữ viết, văn học,... đều được truyền bá tới nhiều quốc gia, khu vực và vẫn tồn tại đến ngày nay
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu văn minh Trung Hoa thời kỳ cổ- trung đại

- a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa cổ- trung đại
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về nền văn minh phương Đông
 - Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi
- c. sản phẩm: HS trình bày được những cơ sở hình thành nền văn minh Trung Hoa, trình bày được các thành tựu và từ đó nêu được ý nghĩa của các thành tựu đó
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? em hãy trình bày cơ sở ra đời văn minh Trung Hoa? ? Nền kinh tế chủ yếu ở đây là gì? GV chia nhóm để làm các thành tựu cơ bản Nhóm 1: tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo Nhóm 2: tìm hiểu về chữ viết Nhóm 3: tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc Nhóm 4: tìm hiểu về khoa học, kỹ thuật Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời câu hỏi đưa ra -Từng nhóm cử đại diện lên trình bày các thành tựu mà GV đã giao trước	II. Một số nền văn minh phương Đông thời kỳ cổ- trung đại 3. Văn minh Ai Cập - Văn minh Trung Hoa được hình thành trên lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang - Nền tảng là kinh tế nông nghiệp, TCN, TN - Văn minh này có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài nhất thế giới - những thành tựu tiêu biểu của Trung Hoa như: chữ viết, văn học, kiến trúc, điêu khắc, KHTN... đã có đóng góp quan trọng cho sự phát triển văn

Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	minh nhân loại, đặc biệt khu vực Đông Á.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây
- Nội dung GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu học tập
- Sản phẩm: học sinh làm phiếu học tập
- Tổ chức thực hiện

Nền văn minh	Thành tựu tiêu biểu	Thời điểm xuất hiện	Thuộc lĩnh vực	Đặc , ý nghĩa/giá trị

4. Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- Tổ chức thực hiện: liên hệ và cho biết ảnh hưởng của các nền văn minh phương Đông đối với Việt Nam.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI KỲ CỔ- TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kỳ cổ- trung đại.
- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây.
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn Hy Lạp- La Mã cổ- trung đại và Tây Âu thời Phục Hưng

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích... sự kiện, nội dung lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức , kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng, giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn hoá nhân loại
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học
- Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến thể vận hội
- Sản phẩm: Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi
- Tổ chức thực hiện:

GV hỏi: Em hãy cho biết hình ảnh trên nói về sự kiện thể thao nào? Sự kiện đó tổ chức mấy năm 1 lần? lần đầu tiên diễn ra ở đâu?

GV dẫn dắt vào bài học mới: Các hình ảnh trên nói về sự kiện Thế vận hội, là sự kiện thể thao lớn nhất trên thế giới, được tổ chức 4 năm 1 lần từ năm 1896 đến nay, nguồn gốc cũng là lần đầu tiên diễn ra là ở Hi Lạp, đây cũng chính là 1 trong những cái nôi của nền văn minh phương Tây, để hiểu rõ hơn về sự ra đời cùng với đó là những thành tựu mà văn minh phương Tây đưa đến cho nhân loại thì hôm nay chúng ta qua bài 6.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại

- Mục tiêu: - Giải thích và phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Hi Lạp- La Mã cổ đại

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hi Lạp- La Mã cổ đại
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về nền văn minh phương Tây
- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại

- Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

- sản phẩm: HS trình bày được những cơ sở hình thành nền văn minh Hi Lạp- La Mã, trình bày được các thành tựu và từ đó nêu được ý nghĩa của các thành tựu đó

- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? em hãy trình bày cơ sở ra đời văn minh Hy Lạp- La Mã? ? Nền kinh tế chủ yếu ở đây là gì? GV chia nhóm để làm các thành tựu cơ bản Nhóm 1: tìm hiểu về chữ viết, văn học Nhóm 2: tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc, hội họa Nhóm 3: tìm hiểu về khoa học, kỹ thuật Nhóm 4: tìm hiểu về tư tưởng, tôn giáo Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời câu hỏi đưa ra -Từng nhóm cử đại diện lên trình bày các thành tựu mà GV đã giao trước Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại - Văn minh Hy Lạp- La Mã được hình thành tại bán đảo Nam Âu, có nhiều điều kiện thuận lợi nguồn TNTT phong phú cũng như đặt nhiều thách thức đối với cư dân thời cổ đại, Biển ĐTH cũng là nền tảng quan trọng - Kinh tế chủ yếu dựa vào CTN; họ cũng đã sớm đi buôn và giao lưu với các nền văn minh phương Đông. - Vì có nhiều nét tương đồng của hai nền văn minh nên gọi chung là văn minh Hy Lạp- La Mã - những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Hy Lạp- La Mã như: Văn học, sử học, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, KHKH, triết học và tôn giáo - Những thành tựu đó chính là nền tảng cho sự hình thành và phát triển của văn minh phương Tây, ảnh hưởng đến thế giới trong các thời đại tiếp theo
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu văn minh Tây Âu thời Phục Hưng

a. Mục tiêu: - Giải thích và phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Tây Âu thời Phục Hưng

-Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Tây Âu thời Phục Hưng

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về nền văn minh phương Tây

- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS trình bày được những cơ sở hình thành nền văn minh Tây Âu thời Phục Hưng, trình bày được các thành tựu và từ đó nêu được ý nghĩa của các thành tựu đó

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Em hãy phân tích bối cảnh, tiền đề KT-XH-VN dẫn đến sự hình thành phong trào Văn hoá Phục hưng? GV chia nhóm để làm các thành tựu cơ bản Nhóm 1: tìm hiểu về văn học Nhóm 2: tìm hiểu về hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc Nhóm 3: tìm hiểu về khoa học, kỹ thuật Nhóm 4: tìm hiểu về tư tưởng Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời câu hỏi đưa ra -Từng nhóm cử đại diện lên trình bày các thành tựu mà GV đã giao trước Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	4. Văn minh Tây Âu thời Phục Hưng - Thời kỳ Phục hưng được gọi theo tên của phong trào Văn hoá Phục hưng ở Tây Âu - Hình thành trong bối cảnh quan hệ SX TBCN và GCTS được hình thành - Ý thức phong kiến và Cơ Đốc giáo kìm hãm sự phát triển của phương thức sản xuất mới - những tầng lớp TS mới họ muốn tìm tư tưởng mới và họ đã kiếm tìm đến nền văn minh Hi Lạp- La Mã cổ đại. - Nó diễn ra đầu tiên ở Ý sau đó lan rộng ra các nước khác. - Có nhiều thành tựu rực rỡ về cả văn học nghệ thuật điêu khắc, triết học...nó gắn liền với nhiều tác giả lớn như Đan tê, Sếch xpi-a, Xéc-van-téc... - những thành tựu đó đã tạo nên sự mới mẻ và đóng góp lớn đối với văn minh phương Tây.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây
- Nội dung GV giao nhiệm vụ cho học sinh
- Sản phẩm: học sinh bằng cách kẻ bảng trong vở và so sánh
- Tổ chức thực hiện

GV đặt câu hỏi: Em hãy so sánh các thành tựu văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại với các nền văn minh phương Đông?

4. Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- Tổ chức thực hiện: hãy sưu tầm tư liệu và giới thiệu, nêu cảm nhận của em về một thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Hy Lạp- La Mã trong khoảng 15-20 dòng

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

BÀI 7: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG THỜI KỲ CẬN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ cận đại.
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và thứ hai
- Hiểu, nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng thời cận đại đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích... sự kiện, nội dung lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học
- b. Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh về loại máy bay

c. Sản phẩm: Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV hỏi đây là phương tiện gì? Loại phương tiện này xuất hiện lúc nào? Ai phát minh? Sự ra đời của nó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống.

GV dẫn dắt vào bài học mới: đây chính là máy bay, do anh em nhà Rai và sự ra đời của nó đã giúp chúng ta tiết kiệm rất nhiều thời gian trong quá trình vận chuyển và đi lại, bên cạnh đó còn có nhiều phát minh quan trọng khác và những phát minh đó đã giúp chúng ta rất nhiều trong cuộc sống, để biết rõ hơn thì hôm nay chúng ta qua chủ đề thứ 4 với bài đầu tiên là bài 7.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

a. Mục tiêu: - HS rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về bối cảnh, những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS kể tên được những thành tựu tiêu biểu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Cuộc cách mạng công nghiệp lần đầu trong lịch sử xuất hiện khi nào? Trong bối cảnh nào? ? Theo em tại sao lại diễn ra ở nước Anh là đầu tiên? ? Em hãy nêu những phát minh và sáng chế cơ bản ở cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất -Bối cảnh diễn ra từ nửa sau thế kỷ XVIII- nửa đầu thế kỷ XIX - Những thành tựu cơ bản: những phát minh trong ngành dệt, phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hoá sản xuất, phát triển giao thông vận tải

Hoạt động 2: Tìm hiểu về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Mục tiêu: - HS rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về bối cảnh, những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS biết được bối cảnh lịch sử và các thành tựu ở cuộc cách mạng lần thứ 2.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ trong lịch sử xuất hiện khi nào? Trong bối cảnh nào? ? diễn ra ở những quốc gia nào? ? Những thành tựu cơ bản của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 là gì? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai -Bối cảnh diễn ra từ nửa sau thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX - Những thành tựu cơ bản: sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện, in ấn....
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Mục tiêu: - Thông qua các tư liệu, hình ảnh và ví dụ cụ thể , HS nêu được ý nghĩa và tác động của 2 cuộc cách mạng công nghiệp; rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về tác động và ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa và tác động của hai cuộc cách mạng đến các tất cả các lĩnh vực.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? các cuộc cách mạng đã có những ý nghĩa và tác động như thế nào? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai -Ý nghĩa và tác động của các cuộc cách mạng trên đều ảnh hưởng đến các lĩnh vực: kinh tế, khoa học kỹ thuật, xã hội, văn hoá.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây

b. Nội dung GV giao nhiệm vụ cho học sinh

c. Sản phẩm: học sinh phải trình bày các thành tựu bằng trục thời gian

d. Tổ chức thực hiện

GV đặt câu hỏi: Em hãy trình bày một số thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại trên trục thời gian? Lựa chọn một sản phẩm và giới thiệu nó khoảng 7-10 dòng

4. Hoạt động vận dụng

- a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- c. sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- d. Tổ chức thực hiện: quay trở lại phần mở đầu, nếu giả sử các nhà khoa học không phát minh ra máy bay thì chúng ta có cảm thấy cần thiết hay là không? Vì sao? (chú ý: có hay không cũng sẽ phải giải thích)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 8: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ hiện đại.
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng thời cận đại đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng: sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích... sự kiện, nội dung lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên internet, mạng xã hội
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn liền với nội dung bài học do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm thêm các tài liệu.

- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*

- máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học

b. Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh về những thành tựu hiện đại: robot, internet....

c. Sản phẩm: Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV hỏi đây là những phương tiện gì?? Sự ra đời của nó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống.

GV dẫn dắt vào bài học mới: đây chính những loại phương tiện mà hiện nay chúng ta đã và đang sử dụng nó cho cuộc sống hiện nay, với 2 cuộc cách mạng đầu con người đã phát minh ra nhiều phương tiện có ý cho con người, nhưng ở 2 cuộc cách mạng này nó không chỉ mang lại phương tiện mà còn phục vụ cho con người chúng ta. Để hiểu rõ hơn chúng ta qua bài 8.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

a. Mục tiêu: - HS rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về bối cảnh, những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS kể tên được những thành tựu tiêu biểu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Bối cảnh diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 là gì? ? Hãy trình bày những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc công nghiệp lần này? ? có những biến tiến nào quan trọng? ? Em hãy cho biết những thành tựu quan trọng ở lần này? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba -Bối cảnh diễn ra từ khoảng nửa sau thế kỷ XX - Những thành tựu cơ bản: phát minh quan trọng như: máy tính, máy tự động và hệ thống máy tự động, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, internet...

Hoạt động 2: Tìm hiểu về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a. Mục tiêu: - HS rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về bối cảnh, những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS biết được bối cảnh lịch sử và các thành tựu ở cuộc cách mạng lần thứ tư.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay Cách mạng 4.0) bắt đầu từ khi nào? Trong bối cảnh nào ? Những thành tựu cơ bản của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là gì? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư -Bối cảnh diễn ra khoảng những năm đầu thế kỷ XIX - Những thành tựu cơ bản: sự phát triển kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ sinh học....

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

a. Mục tiêu: - Thông qua các tư liệu, hình ảnh và ví dụ cụ thể , HS nêu được ý nghĩa và tác động của 2 cuộc cách mạng công nghiệp; rèn luyện kỹ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về tác động và ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa và tác động của hai cuộc cách mạng đến tất cả các lĩnh vực.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? các cuộc cách mạng đã có những ý nghĩa và tác động như thế nào? Lấy ví dụ? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai -Ý nghĩa và tác động của các cuộc cách mạng trên đều ảnh hưởng đến các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá.

3. Hoạt động luyện tập

- a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây
- b. Nội dung GV giao nhiệm vụ cho học sinh
- c. Sản phẩm: so sánh được sự giống và khác nhau của CMCN thời cận đại và hiện đại
- d. Tổ chức thực hiện

GV đặt câu hỏi: em hãy so sánh bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ cận đại và hiện đại

4. Hoạt động vận dụng

- a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- c. sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- d. Tổ chức thực hiện: ở trong thời kỳ phát triển của 4.0 có nhiều thông tin chưa được kiểm chứng và sai lệch. Nếu là một người nhận được thông tin ấy em sẽ làm gì? (viết một đoạn văn ngắn từ 6-10 dòng)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á

BÀI 9: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN MINH ĐÔNG NAM Á

THỜI KỲ CỔ- TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời kì cổ- trung đại; cơ sở tự nhiên và xã hội.
- Phân tích được ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa đối với văn minh Đông Nam Á.

2. Về năng lực

- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực nhận thức và tư duy; giải thích được cơ sở, nguồn gốc hình thành văn minh Đông Nam Á.
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học giải thích được ảnh hưởng và sự giao thoa của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa đối với văn minh Đông Nam Á.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh tư liệu về cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á
- Bản đồ Đông Nam Á ngày nay.
- Phiếu học tập: dùng cho HS tìm hiểu và khám phá
- Máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về văn minh ĐNÁ ngay từ bài học
- Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh về Đông Nam Á
- Sản phẩm: Học sinh quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi
- Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: đây là những hình ảnh liên quan đến khu vực nào trên thế giới? hãy kể tên các nước nằm trong khu vực đó?. Sau khi HS trả lời xong GV nhận xét cùng với đó dẫn dắt vào bài mới: đây là khu vực ĐNÁ với 11 quốc gia tạo nên, đây cũng chính là một trong những khu vực có nhiều quốc gia hình thành sớm ở phương Đông. Để hiểu rõ hơn về khu vực này thời kỳ cổ trung đại thì hôm nay chúng ta qua chủ đề 5 với bài đầu tiên là bài thứ 9.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á

- Mục tiêu:
 - HS biết khai thác bản đồ, tư liệu lịch sử xác định vị trí của khu vực ĐNÁ
 - HS nhận thức và trình bày được những điểm chung và tác động của ĐKTN đối với sự hình thành văn minh ĐNÁ
- Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi
- sản phẩm: HS có kỹ năng xác định bản đồ, giải thích được tác động của ĐKTN đến sự hình thành và phát triển văn minh ĐNÁ
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Em hãy xác định trên bản đồ các nước ĐNÁ lục địa và ĐNÁ hải đảo? nêu nhận xét? ? xác định một số con sông lớn? Nêu đặc điểm về ĐKTN ở khu vực này? Phân tích những tác động của nó đến sự hình thành văn minh ĐNÁ? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS lên bảng dựa vào bản đồ để xác định và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và xác định đúng được trên bản đồ cùng với đó là trả lời câu hỏi của GV Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	1. Cơ sở tự nhiên a. Vị trí địa lý - Nằm ở phía Đông Nam châu Á, gồm 11 nước được hình thành bởi 2 nhóm nước: Lục địa và hải đảo. được xem như là” ngã ba đường” b. ĐKTN - Hệ thống sông ngòi dày đặc, đất đai màu mỡ. - Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. - Hầu hết giáp biển

HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	- Nghề nông nghiệp lúa nước là chủ yếu. - Giao lưu buôn bán với bằng đường biển diễn ra sớm, thuận lợi cho phát triển hàng hải
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu về cơ sở xã hội của văn minh Đông Nam Á

a. Mục tiêu: - HS rèn luyện kỹ năng khai thác tư liệu lịch sử để hiểu về cư dân, tộc người, tổ chức xã hội ở ĐNÁ

- Giúp HS nhận thức được vai trò nền tảng của CSXH đối với sự hình thành văn minh ĐNÁ

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS biết về cư dân, tộc người cũng với đó là tổ chức xã hội đây qua các câu hỏi và tư liệu trong SGK

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Theo em sự đa dạng về cư dân, tộc người có tác động như thế nào đến văn minh ĐNÁ thời kì cổ- trung đại? ? tư liệu 3,4 chp em biết những thông gì về cơ sở xã hội hình thành văn minh ĐNÁ? ? Hãy phân tích cơ sở xã hội hình thành văn minh ĐNÁ? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS phát biểu và trả lời từng câu hỏi của giáo viên Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Cơ sở xã hội a. Cư dân, tộc người - ĐNÁ có sự đa dạng về ngữ hệ, nhóm ngôn ngữ tạo nên sự phong phú của văn minh ĐNÁ. b. tổ chức xã hội -“Làng” ra đời thay thế dần tổ chức thị tộc, bộ lạc tạo điều kiện hình thành nên tổ chức cao hơn là nhà nước -Nhà nước là tiêu chuẩn để xác định xã hội, thành tựu của văn minh.

Hoạt động 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu rõ ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa đến sự hình thành văn minh ĐNÁ.

- Giúp HS chọn lọc những ảnh hưởng các nền văn hoá, văn minh từ bên ngoài cư dân ĐNÁ

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS hiểu rõ sức ảnh hưởng của 2 quốc gia đó đối với sự phát triển của nền văn minh ĐNÁ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? em hãy cho biết ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Hoa tới ĐNÁ có gì giống và khác nhau? ảnh hưởng trên những lĩnh vực nào Bước 2 thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận theo cặp đôi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -GV mời một số cặp đôi, đại diện các cặp đứng dậy trình bày Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa a. Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ - Tiếp xúc hoà bình, chủ yếu qua hoạt động buôn bán và truyền giáo, ảnh hưởng sớm, trên nhiều lĩnh vực: chính trị, tôn giáo, nghệ thuật, chữ viết.... b. Ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa - Thông qua con đường buôn bán, xâm lược, thống trị các nước láng giềng của phong kiến Trung Hoa - Ảnh hưởng trên lĩnh vực: tư tưởng chính trị, tôn giáo, chữ viết, văn học- nghệ thuật. - Việt Nam chịu ảnh hưởng sớm và sâu sắc nhất.
---	---

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học trước đây
- Nội dung GV đặt một số câu hỏi trắc nghiệm theo hàng ngang
- Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi để tìm ra chìa khoá
- tổ chức thực hiện:

Câu hỏi và đáp án hàng ngang

- Malaixia thuộc nhóm Đông Nam Á nào? **HẢI ĐẢO**
- Dòng sông nào chảy qua 5 nước: TL,VN,CPC,LÀO,MAM? **SÔNG MÊ KÔNG**
- Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của khí hậu gì? **NHIỆT ĐỐI GIÓ MÙA**
- Việt Nam chịu ảnh hưởng của nền văn minh nước nào? **TRUNG HOA**
- Ngành kinh tế chủ yếu ở ĐNÁ là ngành kinh tế nào? **NÔNG NGHIỆP**
- đất nước duy nhất ở ĐNÁ không giáp biển? **LÀO**
- Ngữ hệ Nam Á thuộc nhóm ngôn ngữ nào? **Môn- Khơ me**
- Tổ chức cao nhất của cơ sở xã hội ĐNÁ là gì? **NHÀ NƯỚC**

Câu hỏi hàng dọc: đây là khu vực nào?

ĐÁP ÁN: ĐÔNG NAM Á

4. Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà
- sản phẩm: bài trả lời theo câu hỏi của GV
- Tổ chức thực hiện: Quan sát hình ảnh ban đầu hãy cho biết vì sao lá cờ của Hiệp hội các quốc gia ĐNÁ lại có hình bó lúa vàng đặt ở vị trí trung tâm của lá cờ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 10: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ CỔ-TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên trục thời gian.
- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á.

2. Về năng lực

- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: nhận diện được các loại tư liệu lịch sử; biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực nhận thức và tư duy; giải thích được cơ sở, nguồn gốc hình thành văn minh Đông Nam Á.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng giá trị và có những hành động cụ thể góp phần bảo tồn di sản văn minh ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
- Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh tư liệu về cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á
- Phiếu học tập: dùng cho HS tìm hiểu và khám phá

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các thành tựu văn minh ĐNÁ
- Nội dung: GV cho HS đọc đoạn giới thiệu về Khu đền tháp Bô- rô-bu-đua (In đô nê xi a) và nêu câu hỏi
- Sản phẩm: Học sinh đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
- Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: Em hãy kể tên một số thành tựu văn minh Đông Nam Á? Sau khi HS liệt kê các thành tựu GV sẽ từ đó dẫn dắt vào bài mới: Ở thời cổ đại nền văn minh Đông Nam Á cũng có rất nhiều thành tựu và những thành tựu đó chính là những chứng nhân lịch sử, thể hiện sức sáng tạo cùng với sự kỳ vĩ của của các thành tựu đó, để hiểu rõ hơn về các thành tựu văn minh ĐNÁ thì hôm nay chúng ta qua bài 10

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về hành trình phát triển văn minh Đông Nam Á

a. Mục tiêu: - HS nhận thức được tầm quan trọng và kỹ năng xây dựng trục thời gian trong học tập và nghiên cứu lịch sử nói chung, lịch sử khu vực nói riêng

-Biết cách xây dựng và trình bày trên trục thời gian về sự vận động, phát triển các sự kiện, quá trình lịch sử

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS nêu được ba thời kỳ và những nội dung cơ bản của ba thời kỳ phát triển văn minh ĐNÁ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS: ? Em hãy cho biết hành trình phát triển văn minh ĐNÁ trải qua mấy giai đoạn? nêu những nét chính? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS sẽ thảo luận theo cặp đôi và ghi ra giấy sau đó lên bảng trình bày bằng trục thời gian Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và vẽ trục thời gian Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Hành trình phát triển văn minh Đông Nam Á Hành trình phát triển của văn minh ĐNÁ trải qua 3 giai đoạn: giai đoạn 1: Từ thế kỷ trước và đầu công nguyên đến thế kỷ VII). Gắn liền với sự hình thành và phát triển của các quốc gia đầu tiên. Các quốc gia cổ ra đời: Phù Nam, Văn Lang- Âu Lạc... ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Hoa rõ nét Giai đoạn 2: Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XV. Gắn liền với sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến. Thời kỳ phát triển rực rỡ, có sự tiếp thu và chọn lọc của văn minh Ấn Độ và Trung Hoa. Giai đoạn 3: Từ thế kỷ XVI đến XVIII. Thời kỳ suy yếu và sự xâm nhập của các nước phương Tây. Chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây trên lĩnh vực: chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật...

Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á

a. Mục tiêu: - HS có khả năng tìm kiếm, chọn lọc, khai thác các nguồn tư liệu lịch sử để khám phá, tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của văn minh ĐNÁ.

- HS lựa chọn và trình bày được những thành tựu tiêu biểu về các thành tựu ĐNÁ

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

c. sản phẩm: HS biết về cư dân, tộc người cũng với đó là tổ chức xã hội đây qua các câu hỏi và tư liệu trong SGK

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 3 nhóm Nhóm 1: tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo Nhóm 2: tìm hiểu về chữ viết, văn học Nhóm 3: tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc Bước 2 thực hiện nhiệm vụ Các nhóm làm trên giấy A3 đã chuẩn bị sẵn sau đó lên trình bày Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. một số thành tựu tiêu biểu a. Tín ngưỡng, tôn giáo - Tín ngưỡng rất phong phú và đa dạng tuy nhiên có 3 nhóm chính: sùng bái tự nhiên, phồn thực, thờ cúng người đã mất. Các tín ngưỡng vẫn giữ được cho đến ngày nay - Tôn giáo lớn đã du nhập vào bằng nhiều con đường khác nhau và có sức ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần ở nhiều quốc gia. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hoà hợp. b. Chữ viết và văn học - Chữ viết: ảnh hưởng chữ Phan và Pa-li (Ấn Độ) và chữ Hán (Trung Hoa) sau đó các quốc gia cổ đã tạo ra nhiều thứ chữ cho riêng mình: chữ Chăm cổ, Khome cổ, Miến cổ, chữ Nôm của người Việt... - Kho tàng văn học dân gian phong phú, đa dạng có nhiều tác phẩm nổi tiếng Truyện Kiều(VN), Riêm Kê (CPC), Ra-ma-kiên (TL)... c.Kiến trúc, điêu khắc - Kiến trúc: xây dựng những công trình mang ảnh hưởng của Phật giáo và Hin đư giáo của Ấn Độ nhưng vẫn mang nét riêng của dân tộc. - Điêu khắc:người dân ở đây đã tạo nên nghệ thuật độc đáo riêng qua chạm khắc trên gốm, đồng...

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này

b. Nội dung GV đặt các câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

d. tổ chức thực hiện:

Câu 1: Văn minh Đông Nam Á trải qua mấy giai đoạn

A-3

B-4

C-5

D-6

Câu 2: Giai đoạn phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến là giai đoạn nào?

A. Từ TCN đến SCN

B. từ TCN đến thế kỷ VII

C. Từ thế kỷ VII- XV

D. từ thế kỷ XV- XVIII

Câu 3. Đầu là tôn giáo du nhập vào Đông Nam Á sớm nhất?

A. Hin đư giáo

B. Phật giáo

C. Thiên chúa giáo

D. Tin lành

Câu 4 Chữ Nôm là của người nào?

A. Mã lai

B. Việt cổ

C. Khome cổ

D. Chăm cổ

Câu 5. Chùa Vàng là của quốc gia nào?

A. Thái Lan

B. Lào

C. Cam Pu chia

D. Mi-an-ma

Đáp án: 1-A; 2-C; 3-B;4-B;5-D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

c. sản phẩm: HS lựa chọn một thành tựu tiêu biểu của văn minh ĐNÁ

d. Tổ chức thực hiện: Nếu được tham gia “Tàu Thanh niên Đông Nam Á- Nhật Bản” em sẽ lựa chọn thành tựu nào về văn minh ĐNÁ để chia sẻ với bạn bè quốc tế? Vì sao?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 11: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH CỔ TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

-Nêu được cơ sở hình thành các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

- Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

- Liên hệ để thấy được sức sống trường tồn và ý nghĩa, vai trò của những thành tựu văn minh đó đối với việc phát triển của quốc gia Việt Nam hiện nay.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích, hệ thống hoá, sơ đồ hoá.. thông tin các vấn đề lịch sử.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng giá trị văn minh mà ông cha đã gây dựng từ thời xa xưa.
- Có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Bản đồ hành chính Việt Nam hiện nay.
- Một số hình ảnh được phóng to, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các quốc gia cổ trên đất nước Việt Nam.

b. Nội dung: GV chiếu các hình ảnh như hình số 1 và nêu câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh sẽ quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: Các hình ảnh 1 khiến các em liên tưởng đến quốc gia, nền văn minh nước Việt Nam? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?. Sau đó HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các hình ảnh trên tượng trưng cho 3 quốc gia gắn liền với 3 nền văn minh được hình thành trên dải đất hình chữ S. Để hiểu rõ hơn về sự ra đời cùng với đó là các thành tựu của 3 quốc gia nói trên thì hôm nay chúng ta qua bài thứ 11

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về văn minh Văn Lang- Âu Lạc

a. Mục tiêu: - Nêu được đặc điểm chính về CSTN và CSXH hình thành nên văn minh.

- Liên hệ thấy được điểm chung với văn minh ở phương Đông.

- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu.

- Liên hệ để thấy được sức sống trường tồn và ý nghĩa, vai trò của những thành tựu văn minh đó đối với việc phát triển của quốc gia Việt Nam hiện nay.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm với nhau

c. sản phẩm: HS nêu được sự ra đời và thành tựu chủ yếu của văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 2 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu về cơ sở hình thành Nhóm 2: Tìm hiểu về các thành tựu tiêu biểu Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Văn minh Văn Lang- Âu Lạc Hình thành và phát triển từ TNK I TCN đến vài thế kỷ đầu công nguyên ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ a. cơ sở hình thành * ĐKTN: - hình thành từ các lưu vực sông: S.Hồng, s.Cả, S.Mã... thuận lợi cho nghề trồng lúa nước và luyện kim. *CSXH:- có nguồn gốc từ văn hoá Phùng Nguyên (khoảng 4000 năm trước). Công cụ thay đổi làm cho tan rã của xã hội nguyên thủy, nhà nước ra đời. - Cư dân sống thành làng xã, đây là tiền đề cho sự ra đời nhà nước. b. một số thành tựu tiêu biểu * Sự ra đời nhà nước - Nhà nước Văn Lang cách đây khoảng 2700 năm trước tồn tại đến năm 208 TCN; kinh đô: Phong Châu (Phú Thọ). Tổ chức nhà nước sơ khai. - Nhà nước Âu Lạc (208-179 TCN); Kinh Đô: Cổ Loa (Hà Nội) * Hoạt động kinh tế: - Nghề nông nghiệp lúa nước là chủ yếu - Nghề chăn nuôi, đánh cá,TCN cũng phát triển. *ĐSV:- Bữa ăn hàng ngày: cơm,cá thịt... - Trang phục: Phụ nữ mặc váy và áo yếm, đàn ông mang khố. Sử dụng đồ trang sức bằng đá, đồng.... - Nhà ở: ở nhà sàn - Đi lại trên sông là chủ yếu bằng thuyền,bè... *ĐSTT: Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc...
---	--

	- Nghệ thuật: Đạt đến trình độ cao, vừa thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc vừa thể hiện tính nghệ thuật cao. - Âm nhạc: Phong phú, đa dạng.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về văn minh Chăm pa

a. Mục tiêu: - Giúp HS có khả năng, tìm kiếm, chọn lọc, khai thác nguồn tư liệu để khám phá, tìm hiểu về nền văn minh Chăm pa

-HS nêu được cơ sở hình thành nền văn minh; ĐKTN,CSXH, ảnh hưởng từ văn minh Ấn Độ

- HS trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm pa

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trình bày

c. sản phẩm: HS nêu được sự ra đời và thành tựu chủ yếu của văn minh Chăm pa.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 2 nhóm Nhóm 3: Tìm hiểu về cơ sở hình thành Nhóm 4: Tìm hiểu về các thành tựu tiêu biểu Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Văn minh Chăm pa a. cơ sở hình thành * ĐKTN: Hình thành và phát triển từ thế kỷ II-XV trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Cao nguyên Trường Sơn Việt Nam ngày nay. *CSXH:- cư dân Sa Huỳnh chính là cư dân cổ của văn minh Chăm pa - cơ cấu xã hội là dạng lãnh địa và liên minh làng cụm * Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ - Văn Minh Chăm pa ảnh hưởng rất lớn từ văn minh Ấn Độ. - Góp phần làm văn minh Chăm pa phát triển rực rỡ. b. một số thành tựu tiêu biểu * Sự ra đời nhà nước -Sự ra đời nhà nước Lâm Ấp năm 192 đầu CN với hệ thống tổ chức BMNN theo mô hình chuyên chế TW tập quyền và ngày càng hoàn thiện từ TW-ĐP *Kinh tế - Trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc và TCN phát triển

	- người Chăm rất giỏi nghề buôn bán bằng đường biển. * Chữ viết: Dựa trên chữ Phạn tạo ra chữ Chăm cổ, được coi là loại chữ cổ nhất ở ĐNÁ và tồn tại đến ngày nay. *ĐSV: Trang phục chính là một mảnh vải (gọi là “ka-ma”) - Nhà trệt - Ăn: cơm, cá, rau... *ĐSTT -TN,TG,LH: có nhiều tín ngưỡng truyền thống và sau ảnh hưởng từ Ấn Độ nên tiếp thu: Phật, Hin đú giáo... KT-ĐK: mang ảnh hưởng kiến trúc tôn giáo
--	---

Hoạt động 3: Tìm hiểu về văn minh Phù Nam

- a. Mục tiêu: - Giúp HS có khả năng, tìm kiếm, chọn lọc, khai thác nguồn tư liệu để khám phá, tìm hiểu về nền văn minh Phù Nam
- Giúp HS biết vận dụng những tri thức lịch sử để giải thích những vấn đề liên quan đến những di sản của văn hoá Phù Nsam trên địa bàn khu vực Nam Bộ ngày nay.
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trình bày
- c. sản phẩm: HS nêu được sự ra đời và thành tựu chủ yếu của văn minh Phù Nam.
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 2 nhóm Nhóm 5: Tìm hiểu về cơ sở hình thành Nhóm 6: Tìm hiểu về các thành tựu tiêu biểu Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Văn minh Phù Nam a. cơ sở hình thành * ĐKTN: nằm trên khu vực Nam Bộ ngày nay, thuộc hạ lưu sông Mê Công *CSXH:- văn hoá Óc Eo là tiền thân của văn minh Phù Nam -Khoảng cuối TNK I TCN nền nông nghiệp, thủ công nghiệp, trao đổi hàng hoá phát triển, cấu trúc làng chài- nông- thương nghiệp ra đời đây chính là tiền đề cho nhà nước ra đời. - Đây cũng là nơi giao thoa của nhiều tộc người. tiền đề để thành lập vương quốc Phù Nam sau này.

	- Ảnh hưởng văn minh Ấn Độ trên nhiều lĩnh vực và đời sống. b. Một số thành tựu - Sự ra đời vào khoảng thiên niên kỷ I TCN, ngày càng hoàn thiện và hùng mạnh vào khoảng thế kỷ III-V. - Trở thành trung tâm thương mại, thương nhân nhiều nước đều ghé qua khu vực cảng Óc Eo để trao đổi buôn bán. - Một số nghề thủ công và nông nghiệp cũng khá phát triển. - Cư dân ở đây sống ở ngôi nhà sàn rộng làm bằng gỗ - Đi lại bằng ghe, thuyền,... - LTTP chủ yếu là lúa, thịt, thủy sản - Trang phục: đàn ông đóng khố, phụ nữ mặc váy và mang đồ trang sức. - Tín ngưỡng, tôn giáo: đa thần và phồn thực bên cạnh đó tiếp tôn giáo: Phật, Hin đú giáo của Ấn Độ. - PTTQ: Chôn người chết bằng: thủy táng, hỏa táng, thổ táng, điều táng
--	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này

b. Nội dung: GV cho một số câu hỏi điền từ vào chỗ trống

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi điền từ

d. tổ chức thực hiện:

Câu 1: Có 3 quốc gia và nền văn minh được hình thành trên đất nước Việt Nam đó là.....

Câu 2: Nền văn hoá Phùng Nguyên là tiền thân của nền văn minh.....

Câu 3: Nền văn hoá Sa Huỳnh là tiền thân của nền văn minh....

Câu 4: Nền văn minh Phù Nam được hình thành trên lưu vực sông....

Câu 5: Văn minh Ấn Độ ảnh hưởng rất lớn đến nền văn minh.....và văn minh....

Câu 6: nghề trồng lúa nước là nghề chủ yếu của nền văn minh..... và nền văn minh....

Câu 7: Trống đồng Đông Sơn là sản phẩm của nền văn minh.....

Câu 8: Thánh địa Mỹ Sơn chính là sản phẩm tiêu biểu cho nền văn minh.....

Đáp án: 1: Văn Lang-Âu Lạc; Cham Pa; Phù Nam

2: Văn Lang-Âu Lạc

3: Chăm pa

4: Mê Công 5: Cham Pa - Phù Nam

6: Văn Lang-Âu Lạc và Cham Pa

7: Văn Lang-Âu Lạc 8: Cham Pa

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS tự thực hiện khi về nhà

c. sản phẩm: HS lựa chọn một thành tựu tiêu biểu của một văn minh ở trên đất nước Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện: Em hãy lấy một thành tựu tiêu biểu nhất ở nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc để giới thiệu với bạn bè các nước? Giải thích vì sao sản phẩm đó là thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 12: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Giải thích được khái niệm, phân tích được cơ sở hình thành, ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên trục thời gian và một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt.

2. Về năng lực

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- Vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.

3. Về phẩm chất

- Tự hào và trân trọng giá trị của văn minh Đại Việt, bồi đắp lòng yêu nước.
- Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy giá trị và quảng bá văn minh Đại Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- Một số hình ảnh được phóng to, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các quốc gia cổ trên đất nước Việt Nam.

b. Nội dung: GV chiếu các hình ảnh về thành tựu văn minh Đại Việt

c. Sản phẩm: Học sinh sẽ quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: Các hình ảnh 1 khiến các em liên tưởng đến nền văn minh nước Việt Nam thời kỳ nào? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?. Sau đó HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các hình ảnh trên tượng trưng cho nền phong kiến độc lập hay còn gọi là nền văn minh Đại Việt. Để hiểu rõ hơn về vì sao gọi là văn minh Đại Việt thì hôm nay chúng ta qua bài 12

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: - Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt.

-Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm với nhau

c. sản phẩm: HS giải thích được khái niệm, nêu và phân tích được thông qua các ví dụ cụ thể về cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: ? văn minh Đại Việt là gì? ? Cơ sở nào cho sự hình thành văn minh này? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc sách và trả lời Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -GV chỉ định HS trả lời các câu hỏi đưa ra Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Khái niệm và cơ sở hình thành - Văn minh Đại Việt là toàn bộ sáng tạo về vật chất và tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập từ thế kỷ X-XIX. - Cội nguồn là từ các nền văn minh cổ trên đất nước ta - Trải qua nhiều triều đại luôn chiến đấu kiên cường chống ngoại xâm, bảo vệ và củng cố nền độc lập, tạo nên Đại Việt rực rỡ. - Đã có sự chọn lọc những thành tựu bên ngoài về tất cả lĩnh vực.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về tiến trình phát triển của văn minh Đại Việt trước năm 1858

a. Mục tiêu: - Giới thiệu khái quát tiến trình phát triển của văn minh Đại Việt trên trục thời gian

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và khái quát trên trục thời gian

c. sản phẩm: HS khái quát được tiến trình phát triển qua trục thời gian

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Em hãy nêu sự phát triển của văn minh Đại Việt qua trục thời gian Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS vẽ lên trục thời gian Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS vẽ được các tiến trình phát triển trên trục Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Tiến trình phát triển - Giai đoạn Ngô- Đinh- Tiền Lê: bắt đầu phát triển kinh tế và văn hoá dân tộc, mở đầu văn minh Đại Việt - Giai đoạn Lý- Trần- Hồ: mở ra kỷ nguyên mới, đặc trưng nổi bật thời này là <i>tam giáo đồng nguyên</i> trong xây dựng và quản lý đất nước - Giai đoạn Lê sơ: Tiếp tục phát triển rực rỡ với nhiều thành tựu, nho giáo thời này được coi trọng -Giai đoạn Tây Sơn- Nguyễn (trước năm 1858): tiếp tục phát triển trên nền tảng quốc gia từng bước thống nhất sau giai đoạn bị chia cắt, dưới triều Nguyễn <i>tính thống nhất</i> là đặc điểm nổi bật.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu

a. Mục tiêu: - Nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trình bày

c. sản phẩm: HS lên bảng trình bày bằng trình chiếu hoặc trình bày bảng nhiệm vụ GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 4 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu chính trị- kinh tế Nhóm 2: Tìm hiểu về các tín ngưỡng, tư tưởng tôn giáo Nhóm 3: Tìm hiểu về GD, khoa cử, chữ viết, văn học Nhóm 4: Tìm hiểu về nghệ thuật và KHKT Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Văn minh Phù Nam a. chính trị - Các vương triều Đinh- Tiền Lê học theo thiết chế của Trung Quốc, thời Lý-Trần hoàn thiện, đến thời Lê sơ đạt đến đỉnh cao. - có 3 cuộc cải cách lớn: Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng - Có 4 bộ luật nổi tiếng: Hình thư (Lý), Hình luật (Trần), Quốc triều hình luật (Lê sơ), Hoàng triều luật lệ (Nguyễn)

	b. Kinh tế *Nông nghiệp:- nông nghiệp lúa nước và văn hoá làng xã là đặc trưng. - công cuộc khai khẩn đất hoang và áp dụng các kỹ thuật ngày càng phát triển. * Thủ công nghiệp: - Phát triển mạnh: dệt, gốm, luyện kim, chạm khắc.... - các xưởng thủ công của nhà nước (Cục Bách tác) sản xuất độc quyền của triều đình: tiền, vũ khí, trang phục... - Thợ thủ công từ nhiều làng buôn ra các đô thị để buôn bán * Thương nghiệp:- thời Tiền Lê bắt đầu có tiền riêng - thời Lý: lập trang Vân Đồn (Q.Ninh) để giao lưu buôn bán với nước ngoài, đến thế kỷ XV nhiều cảng buôn do nhà nước quản lý - từ thế kỷ XVI, các công ti ở phương Tây đã đến đây buôn bán khắp cả nước c. Tín ngưỡng, tư tưởng, tôn giáo - tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các anh hùng dân tộc được duy trì bên cạnh thờ thần Thành hoàng tại các làng xã cũng đã phổ biến. * tư tưởng: - Nho giáo: du nhập thời Bắc thuộc, thời Lý là triều đại đầu tiên thi cử Nho giáo để tuyển chọn quan lại. Thời Lê Sơ, nho giáo độc tôn. -Phật giáo: Du nhập từ đầu công nguyên, gắn liền sự hình thành và phát triển cùng dân tộc. - Đạo giáo: Xuất hiện ở vị trí nhất định trong xã hội
--	---

	- <i>Sự du nhập Công giáo</i>: Từ năm 1533 các giáo sĩ phương Tây bắt đầu truyền đạo vào nước ta. d. Giáo dục và khoa cử Nền khoa cử bắt đầu thời Lý, quy củ ở thời Trần và phát triển ở thời Lê Sơ - Một số người nổi tiếng: Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Lê Quý Đôn... e. Chữ viết và văn học * Chữ viết: - Chữ Hán được sử dụng rộng rãi - chữ Nôm được sử dụng rộng rãi từ thế kỷ XIII - Chữ Quốc Ngữ xuất hiện từ thế kỷ XVII * Văn học: Văn học dân gian ngày càng phát triển, phản ánh đời sống xã hội, đúc kết kinh nghiệm và răn dạy. Văn học viết chủ yếu là chữ Hán, Nôm thông qua nhiều thể loại: Hịch, Cáo,.. thể hiện tinh thần yêu nước. g. Nghệ thuật * Kiến trúc: thành tựu tiêu biểu về kinh thành, bên cạnh đó còn có: đình, chùa, miếu, đền... xây dựng khắp cả nước. * Điêu khắc: Đạt trình độ cao thể hiện qua tác phẩm chạm khắc trên các công trình kiến trúc, điêu khắc tượng... * Tranh dân gian: Tranh thờ và tranh chơi Tết. * Nghệ thuật biểu diễn: biểu diễn cung đình và biểu diễn dân gian. h. Khoa học kỹ thuật * Sử học: Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký, Đại Nam thực lục...
--	---

	* Địa lí: Dư địa chí, Gia Định thành thông chí, Hồng Đức bản đồ... * Toán học: Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp * Quân Sự: Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp bí truyền thư.... * Y học: Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông....
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu về ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam

- Mục tiêu: - Phân tích được ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt.
- Phân tích ý nghĩa văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam.
- Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi
- sản phẩm: HS nêu phân tích được ưu điểm và hạn chế, ý nghĩa của văn minh Đại Việt.
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: ? Em hãy nêu ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt? ? Nêu ý nghĩa của văn minh Đại Việt? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS sẽ thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS đứng dậy trả lời câu hỏi Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam a. Ưu điểm và hạn chế * Ưu điểm: - Chú trọng phát triển nông nghiệp. - Sống thành làng xã gia tăng tinh thần cố kết cộng đồng. - Nho giáo được đề cao nên ổn định được đất nước. * Hạn chế: - Thương nghiệp hạn chế ở một số triều đại, ít có phát minh KHKH - Việc sống thành làng làm hạn chế động lực phát triển, sáng tạo của xã hội và từng cá nhân. - Nho giáo cũng hạn chế là sự bảo thủ, chậm cải cách nên dễ bị phương Tây xâm nhập vào b. Ý nghĩa: - Khẳng định tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo của nhân dân ta - Những thành tựu chính là sự minh chứng cho sự phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực.

- Những thành tựu đó là tạo dựng nên bản lĩnh và bản sắc riêng cho dân tộc Việt Nam.
--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi điền từ vào chỗ trống

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi điền từ vào chỗ trống

d. tổ chức thực hiện:

Câu 1: từ thế kỷ X đến trước năm 1858 Việt Nam trải qua triều đại

Câu 2: Dưới thời vua.....là thời kỳ đạt đến đỉnh cao của thiết chế chính trị

Câu 3: thời nhà Lý có bộ luật....., thời Trần có bộ luật....., Thời Nguyễn có bộ luật.....

Câu 4: kinh tế các triều đại phong kiến chú trọng nền..... đặc biệt là.....

Câu 5: Thời Lý-Trần..... đến thời Lê sơ không được trọng như thời Lý- Trần

Câu 6: Khoa cử bắt đầu từ thời.... phát triển đỉnh cao ở thời...

Câu 7: Chữ.... được sử dụng rộng rãi từ thế kỷ XIII

Câu 8: Văn học Đại Việt gồm hai bộ phận.....

Đáp án: 1:Chín (9)

2: Lê Thánh Tông

3: Hình thư; Hình luật; Hoàng triều luật lệ

4: kinh tế nông nghiệp; nông nghiệp lúa nước 5: Phật giáo

6: nhà Lý; nhà Lê sơ 7: Nôm 8:văn học dân gian và văn học viết

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS làm nhóm ở nhà

c. sản phẩm: làm một video ngắn giới thiệu về một thành tựu mà em yêu thích (làm nhóm 4-6 người hoặc tự cá nhân)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

BÀI 13: ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được thành phần tộc người theo dân số; trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia các dân tộc người Việt Nam theo ngữ hệ

- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2. Về năng lực

-Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác các tư liệu trong học tập, giải thích, phân tích về các nội dung liên quan đến bài học

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất khách quan, trung thực, có ý thức gìn giữ, phát triển sự bình đẳng và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc.

- Có ý thức trân trọng, giữ gìn những bản sắc trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS

- Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

- Bản đồ phân bố các dân tộc ở Việt Nam.

- Các hình ảnh, các tư liệu liên quan đến bài học.

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định chung và một số tranh ảnh khác do GV sưu tầm và phóng to.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam

b. Nội dung:GV chiếu các hình ảnh như SGK

c. Sản phẩm: Học sinh sẽ quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện: GV hỏi: Theo em những người trong bức ảnh thuộc một hay nhiều dân tộc? dựa và đâu em biết điều đó? Tại sao họ lại cùng nhau tham gia vào sự kiện này?. Sau khi HS trả lời xong, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Trên đất nước Việt Nam từ xưa đến nay luôn có nhiều cộng đồng dân tộc cùng sinh sống. Đó là những dân tộc nào? Mỗi dân tộc có nét văn hoá đặc trưng nổi bật nào? Thì hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu qua chủ đề cuối cùng của chương trình lớp 10 với bài 13

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các dân tộc trên đất nước Việt Nam

a. Mục tiêu: HS biết được sự phân chia các dân tộc Việt Nam theo dân số, ngữ hệ thông qua khai thác tư liệu cụ thể về dân tộc, dân số, ngữ hệ của các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận cặp đôi

c. sản phẩm: Thông qua phân tích dữ liệu, HS hiểu và giải thích được dân tộc và ngữ hệ trên đất nước Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: ? dân tộc là gì? Có bao nhiêu nhóm dân tộc? ?Ngữ hệ là gì? Có bao nhiêu ngữ hệ ở Việt Nam? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -GV chỉ định HS trả lời các câu hỏi đưa ra Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Dân tộc trên đất nước Việt Nam a. Thành phần dân tộc theo dân số - Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa: dân tộc- quốc gia và dân tộc- tộc người - Có 2 nhóm: dân tộc đa số và thiểu số trong đó dân tộc đa số có 1 dân tộc- dân tộc Kinh, dân tộc thiểu số gồm 53 dân tộc b. Thành phần dân tộc theo ngữ hệ - Khái niệm ngữ hệ: là nhóm ngôn ngữ có cùng nguồn gốc, những đặc điểm giống nhau về ngữ pháp, hệ từ vựng, thanh điệu, ngữ âm... - Mỗi ngữ hệ có thể bao gồm một hay nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau - 54 dân tộc ở Việt Nam có 5 ngữ hệ: Nam Á, Thái-Ka đai, Môn- Dao, Nam Đảo, Hán-Tạng.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đời sống vật chất của các dân tộc ở Việt Nam

- Mục tiêu: - HS trình bày được nét cơ bản về hoạt động kinh tế chính của các dân tộc ở Việt Nam
- Nội dung: HS thảo luận làm bài tập để trình bày
- sản phẩm: HS khái quát được tiến trình phát triển qua trục thời gian
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: chia cả lớp thành 4 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp. Nhóm 2: Tìm hiểu về sản xuất thủ công nghiệp. Nhóm 3: Tìm hiểu về ăn, mặc, ở. Nhóm 4: Tìm hiểu đi lại, vận chuyển Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS làm bài tập đã giao về nhà chuẩn bị bằng hình thức trình chiếu Poitpower hoặc giấy A0 Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên thuyết trình bài đã được giao	2. Đời sống vật chất a. Một số hoạt động kinh tế chính. * Sản xuất nông nghiệp - Người Kinh: sản xuất nông nghiệp, đặc biệt canh tác lúa nước là chủ yếu. Bên cạnh đó còn trồng: ngô, khoai, cây củ quả.... Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản.

Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	- Dân tộc thiểu số: canh tác nương rẫy đa canh trên đất dốc, ruộng bậc thang hay vùng thung lũng chân núi và khu vực ĐBSCL. * Thủ công nghiệp: - Người Kinh: làm nhiều nghề thủ công truyền thống như: gốm, dệt, đan, rèn, mộc.... vừa sử dụng vừa xuất khẩu. - Dân tộc thiểu số: Phát triển đa dạng nghề thủ công mang dấu ấn và bản sắc riêng: dệt, đan, rèn,... b. Ăn, mặc, ở -Người Kinh: ăn cơm, rau, cá... sáng tạo nhiều món ăn tùy vùng miền. Trang phục thường ngày gồm áo, quần (váy) kết hợp với các đồ khác và trang sức. Ở trong các ngôi nhà trệt được xây bằng gạch hoặc đắp đất - Dân tộc thiểu số: ăn giống người Kinh tuy nhiên có sự sẵn bắt và chăn nuôi, mỗi dân tộc có cách nấu ăn khác nhau. Trang phục được may bằng vải tơ tằm, bông, lanh..... Ở ngôi nhà sàn, nhà trệt hoặc nửa sàn nửa trệt. c. đi lại, di chuyển - Người Kinh: Di chuyển bằng trâu, bò, ngựa, thuyền bè.... Dân tộc thiểu số: Chủ yếu đi bộ hoặc vận chuyển đồ bằng gùi, sử dụng động vật thuần dưỡng
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu về đời sống tinh thần của các dân tộc trên đất nước Việt Nam

- Mục tiêu: - HS trình bày được những nét chính về đời sống tinh thần
- Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trình bày
- sản phẩm: HS lên bảng trình bày bằng trình chiếu hoặc trình bày bảng nhiệm vụ GV giao
- Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 2 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu tín ngưỡng tôn giáo Nhóm 2: Tìm hiểu về phong tục tập quán, lễ hội Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	3. Đời sống tinh thần a. Tín ngưỡng, tôn giáo - dù là người Kinh hay người dân tộc thiểu số đều thờ các vị thần, cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc cùng với đó tiếp thu các tôn giáo lớn như: Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, Tin Lành... b. Phong tục, tập quán, lễ hội - Người Kinh thực hành phong tục liên quan đến: chu kỳ vòng đời, canh tác, thời gian/ thời tiết. Lễ hội người kinh phong phú và đa dạng quy mô từ vùng, quốc gia, quốc tế -Dân tộc thiểu số: duy trì phong tục liên quan đến: chu kỳ vòng đời, canh tác và có một số liên quan đến chu kỳ thời gian/thời tiết. Lễ hội chủ yếu liên quan đến tế, cúng, chùa đền, tháp với quy mô ở bản làng và tộc người.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này
- Nội dung: GV tổ chức trò chơi tìm từ hàng ngang và hàng dọc
- Sản phẩm: HS trả lời các ô hàng ngang và hàng dọc
- tổ chức thực hiện:

Ô CHỮ HÀNG NGANG

Câu 1: Người Kinh là nhóm dân tộc nào? **DÂN TỘC ĐA SỐ**

Câu 2: Dân tộc La Chí, La Hả thuộc nhóm ngữ hệ nào: **MÔNG- DAO**

Câu 3: Canh tác lúa nước của người dân tộc thiểu số được tiến hành như thế nào?

RUỘNG BẬC THANG

Câu 4: Thường phục thường ngày của người Kinh là gì? **ÁO QUẦN**

Câu 5: Xuống đồng, cơm mới.. là loại phong tục gì của dân tộc Việt Nam? **CHU KỶ**

CANH TÁC

Câu 6: Đây là nghề nghiệp tạo ra vải để may áo quần? **NGHỀ DỆT**

Câu 7: Loại áo quần truyền thống ở Bắc Bộ? **ÁO TÚ THÂN**

Ô CHỮ HÀNG DỌC: đây là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta?

Ô từ khoá: **ĐOÀN KẾT**

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS làm nhóm ở nhà

c. sản phẩm: HS giới thiệu được nét đặc sắc ở quê hương

d. Tổ chức thực hiện

GV giao bài tập: Em hãy viết một bài văn giới thiệu về một lễ hội ở địa phương em đang sinh sống

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 14: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Phân tích được vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước, giữ nước và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước trong chính sách dân tộc.
- Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

2. Về năng lực

- Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác các tư liệu trong học tập, giải thích, phân tích về các nội dung liên quan đến bài học

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất khách quan, trung thực, có ý thức gìn giữ sự bình đẳng giữa các dân tộc; có hành động cụ thể góp phần giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- Một số hình ảnh, các tư liệu liên quan đến bài học.
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định chung và một số tranh ảnh khác do GV sưu tầm và phóng to.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

- a. Mục tiêu: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các khối đại đoàn kết toàn dân.
- b. Nội dung: GV chiếu hình ảnh Con rồng cháu tiên, bó đũa và đặt câu hỏi cho HS
- c. Sản phẩm: Học sinh sẽ quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi
- d. Tổ chức thực hiện: GV hỏi: Theo em 2 bức ảnh này nói về câu chuyện gì? Câu chuyện đó giúp ta rút ra được điều gì?. Sau khi HS trả lời xong GV bắt đầu dẫn dắt bài mới: Bức ảnh thứ nhất nói về câu chuyện con Rồng cháu tiên, bức ảnh thứ 2 nói về câu chuyện bó đũa, 2 câu chuyện trên đều là những câu chuyện nói về sự đoàn kết. Vậy sự đoàn kết đó đã giúp đất nước chúng ta về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ở quá khứ, hiện nay, tương lai như thế nào? Thì hôm nay chúng ta qua bài cuối cùng của chương trình 10, bài thứ 14.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

- a. Mục tiêu: HS hiểu và nêu được một số nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam: hình thành từ khi nào? Dựa trên những cơ sở nào?.
- HS biết sử dụng, khai thác dữ liệu rút ra tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước, giữ nước và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận cặp đôi
- c. sản phẩm: Thông qua phân tích dữ liệu, HS hiểu và biết được khối đại đoàn kết dân tộc và cùng với đó là vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng khối ở trong quá khứ, hiện tại, tương lai có ý nghĩa đối với quốc gia
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: ? Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc có từ khi nào? ? Vai trò của nó trong việc dựng nước và giữ nước, xây dựng tổ quốc có ý nghĩa như thế nào? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -GV chỉ định HS trả lời các câu hỏi đưa ra Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam a. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc - Do yêu cầu trị thủy và chống giặc ngoại xâm nên khối đại đoàn kết dân tộc có từ thời dựng nước Văn Lang- Âu Lạc. - Được củng cố trong cuộc đấu tranh chống phong kiến phương bắc hơn 1000 năm. - được xây dựng thông qua nhiều chính sách khác nhau trong thời kỳ phong kiến/quân chủ. - Từ khi có Đảng CSVN thì khối này ngày càng mở rộng, phát triển và củng cố. Trở thành nhân tố quyết định trong việc xây dựng, phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

	b. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Đây là cơ sở cho việc hình thành nhà nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên. - Giúp cha ông ta thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và bảo vệ đất nước c. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước, xây dựng tổ quốc hiện nay. - Trong thời đại này, nó có vai trò trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, gìn giữ sự ổn định xã hội.... đặc biệt là ở biên giới và hải đảo. - Được phát huy trong thiên tai, dịch bệnh
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

a. Mục tiêu: - HS biết sử dụng, khai thác tư liệu, hình ảnh... để tìm hiểu, biết được quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay về chính sách dân tộc, nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

b. Nội dung: HS làm việc theo cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c. sản phẩm: HS nêu được quan điểm chính và nội dung cốt lõi trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Em hãy cho biết quan điểm của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay như thế nào? ? Nội dung cơ bản là gì? Bước 2 thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3 Báo cáo kết quả hoạt động -HS trả lời các câu hỏi của GV Bước 4 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh -GV nhận xét và trình bày chốt ý	2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay a. Quan điểm của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay - Quan điểm được thực hiện trên 3 nguyên tắc: Đoàn kết, Bình đẳng, Tương trợ nhau cùng phát triển. Được khẳng định trong các văn kiện, quán triệt ở toàn đất nước, cụ thể hoá trong các chương trình hành

	động, chính sách của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ b. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước - Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với từng thời kì, từng vùng, miền, địa phương, từng dân tộc nhằm gìn giữ, phát huy, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc. - Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của nhà nước Việt Nam hiện nay là tính toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực KT-VH-XH-ANQP, nhưng có những chính sách đặc thù phù hợp cho từng khu vực, dân tộc...
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này
- Nội dung: GV đưa câu hỏi ở SGK cho HS
- Sản phẩm: HS trả lời bằng một đoạn văn ngắn để trả lời câu hỏi
- tổ chức thực hiện: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*

Thành công, thành công, đại thành công”

Em hiểu như thế nào về quan điểm trên của chủ tịch Hồ Chí Minh? Lấy dẫn chứng để chứng minh luận giải của em

4. Hoạt động vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.
- Nội dung: GV giao cho HS làm nhóm ở nhà
- sản phẩm: HS nêu cảm nhận của mình qua hình ảnh
- Tổ chức thực hiện



GV đặt câu hỏi: Qua hình ảnh các chiến sĩ giúp dân thu mua các lương thực thực phẩm thời covid 2019 em cảm thấy gì trong việc đoàn kết dân tộc? viết một đoạn văn để cảm nhận hình ảnh trên